

<p><b>Bài 4:</b> - GV: Y/c HS đọc đề bài. - Hỏi: Bài toán thuộc dạng toán gì? - GV: Y/c HS làm bài.</p>	<p>- HS: Đọc đề. - Tìm 2 số biết tổng &amp; hiệu của 2 số đó. - 2HS lên làm: 1 em 1 cách, cả lớp làm VBT.</p>
<p><i>Tóm tắt:</i></p>	
<p><i>Bài giải:</i> Số lít nước chứa trg thùng to là: <math>(600 + 120) : 2 = 360 (l)</math> Số lít nước chứa trg thùng nhỏ là: <math>360 - 120 = 240 (l)</math> <b>Đáp số:</b> 360l; 240l</p>	<p><i>Bài giải:</i> Số lít nước chứa trg thùng nhỏ là: <math>(600 - 120) : 2 = 240 (l)</math> Số lít nước chứa trg thùng to là: <math>240 + 120 = 360 (l)</math> <b>Đáp số:</b> 360l; 240l</p>
<p>- Y/c HS: Nêu cách tìm số lớn, số bé trg bài toán tìm hai số biết tổng &amp; hiệu của hai số đó. - GV: Nxét HS. <b>3) Củng cố-dặn dò:</b> - GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\Delta</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	

Tuần 8 – Tiết 5

**Toàn : GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BỆT**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Nhận biết được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt. (Bằng trực giác hoặc sử dụng ê-ke)

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:** - Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét HS.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> - Hỏi: Cta đã đc học góc gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trg giờ học này ta sẽ làm quen với góc nhọn, góc tù, góc bẹt.</li> </ul> <p><b>*Ghiệu góc nhọn, góc tù, góc bẹt:</b></p> <p><b>a) Ghiệu góc nhọn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Vẽ góc nhọn AOB (như SGK).</li> <li>- Y/c: Đọc tên góc, tên đỉnh &amp; các cạnh of góc này.</li> <li>- GV ghiệu: Góc này là góc nhọn.</li> <li>- GV: Hãy dùng ê-ke để ktra độ lớn của góc nhọn AOB &amp; cho biết góc này lớn hơn hay bé hơn góc vuông?</li> <li>- Nêu: Góc nhọn &lt; góc vuông.</li> <li>- Y/c HS vẽ 1 góc nhọn (lưu ý sử dụng ê-ke để vẽ)</li> </ul> <p><b>b) Ghiệu góc tù:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Vẽ góc nhọn MON (như SGK) &amp; th/h tg tự như ghiệu góc nhọn.</li> </ul> <p><b>b) Ghiệu góc bẹt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Vẽ góc bẹt COD (như SGK) &amp; y/c HS đọc tên góc, tên đỉnh, tên các cạnh của góc.</li> <li>- GV vừa vẽ hình vừa nêu: Tăng dần độ lớn của góc COD, đến khi 2 cạnh OC &amp; OD của góc COD “thẳng hàng” (cùng nằm trên 1 đường thẳng) với nhau. Lúc đó COD đc gọi là góc bẹt.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi: Các điểm C, O, D của góc bẹt COD ntn với nhau?</li> <li>- Y/c HS sử dụng ê-ke để ktra độ lớn của góc bẹt so với góc vuông.</li> <li>- Y/c HS vẽ &amp; gọi tên 1 góc bẹt.</li> </ul> <p><b>*Hướng thực hành:</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- Góc vuông</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- HS: Qsát hình.</li> <li>- Góc AOB: đỉnh O, 2 cạnh OA &amp; OB.</li> <li>- HS nêu: Góc nhọn AOB.</li> <li>- 1HS lên ktra: Góc nhọn AOB &lt; góc vuông.</li> <li>- 1 HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp.</li> <li>- Góc tù MON &gt; góc vuông.</li> <li>- Góc bẹt COD: đỉnh O, 2 cạnh OC &amp; OD.</li> <li>- HS: Qsat theo dõi thao tác của GV:</li> </ul> <div style="text-align: center;"> <p style="text-align: center;">C                      O                      D</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 điểm C, O, D thẳng hàng với nhau.</li> <li>- Góc bẹt bằng 2 góc vuông.</li> <li>- 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp.</li> </ul>

<p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Y/c HS qsát các góc trg SGK và đọc tên các góc, nêu rõ góc đó là góc nhọn, góc vuông, góc tù hay góc bẹt?</li> <li>- GV: Nxét, có thể vẽ thêm hình khác để HS phát biểu.</li> </ul> <p><b>Bài 2 (chọn 1 trong 3 ý):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Hdẫn HS dùng ê-ke để ktra cac góc của từng hình tam giác trg bài.</li> <li>- GV: Nxét, có thể y/c HS nêu tên từng góc trg mỗi hình tam giác &amp; nói rõ đó là góc gì?</li> </ul> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\Delta</math> Làm BT &amp; CBB sau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời trc lớp về các góc.</li> <li>- Dùng ê-ke để ktra góc &amp; b/c kquả.</li> <li>- HS: Trả lời theo y/c.</li> </ul>
--	--

**Tổ trưởng kiểm tra**

**Ban giám hiệu**

(Duyệt)

**Tuần 9 – Tiết 1**

**Toàùn : HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Có biểu tượng về hai đường thẳng vuông góc.
- Kiểm tra được 2 đường thẳng vuông góc với nhau bằng ê-ke.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:** - Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> - Trg giờ học này ta sẽ làm quen với 2 đường thẳng vuông góc.</p> <p><b>3)</b></p> <p><b>*Ghiệu hai đường thẳng vuông góc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Vẽ hình chữ nhật ABCD &amp; hỏi: + Đọc tên hình &amp; cho biết đây là hình gì?</li> <li>+ Các góc của hình chữ nhật ABCD là góc gì?</li> <li>- GV: Th/h thao tác &amp; nêu: Kéo dài cạnh DC thành đường thẳng DM, kéo dài cạnh BC thành đường thẳng BN. Khi đó ta đc 2 đường thẳng DM &amp; BN vuông góc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- Hình chữ nhật ABCD.</li> <li>- Các góc A, B, C, D đều là góc vuông.</li> <li>- HS: Theo dõi thao tác của HS.</li> </ul> <div style="text-align: center; margin-top: 10px;"> </div>

<p>với nhau tại điểm C.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi: + Góc BCD, Góc DCN, góc NCM, góc BCM là góc gì? + Các góc này có chung đỉnh nào?</li> <li>- GV: Như vậy 2 đường thẳng BN &amp; DM vuông góc với nhau tạo thành 4 góc vuông có chung đỉnh C.</li> <li>- GV: Y/c HS qsát các ĐDHT, lớp học để tìm 2 đường thẳng vuông góc có trg th/tê cuộc sống.</li> <li>- GV: Hđẫn HS vẽ 2 đường thẳng vuông góc với nhau (vừa nêu vừa th/h thao tác): Ta dùng ê-ke để vẽ 2 đường thẳng vuông góc với nhau, chẳng hạn muốn vẽ đường thẳng AB vuông góc với đường thẳng CD, ta làm như sau:</li> <li>+ Vẽ đường thẳng AB.</li> <li>+ Đặt 1 cạnh ê-ke trùng với đường thẳng AB. Vẽ đường thẳng CD dọc theo cạnh kia của ê-ke. Ta đc 2 đường thẳng AB &amp; CD vuông góc với nhau.</li> <li>- GV: Y/c HS th/hành vẽ đường thẳng MN vuông góc với đường thẳng PQ tại O.</li> </ul> <p><b>*Hđẫn thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Vẽ 2 hình a, b như BT SGK.</li> <li>- Hỏi: BT y/c cta làm gì?</li> <li>- GV: Y/c HS cả lớp cùng ktra.</li> <li>- GV: Y/c HS nêu ý kiến: Vì sao em nói 2 đường thẳng HI &amp; KI vuông góc với nhau?</li> </ul> <p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c HS đọc đề.</li> <li>- GV: Vẽ hình chữ nhật ABCD, sau đó y/c HS suy nghĩ &amp; ghi tên các cặp cạnh vuông góc với nhau có trg hình chữ nhật ABCD vào VBT.</li> <li>- GV: Nxét &amp; kluận về đáp án đúng.</li> </ul> <p><b>Bài 3a:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c HS đọc đề bài, sau đó tự làm.</li> <li>- GV: Y/c HS tr/b bài làm trc lớp.</li> <li>- GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>4) Củng cố-dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\triangle</math> Làm BT &amp; CBB sau.</li> </ul>	<div style="text-align: center;"> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là góc vuông.</li> <li>- Chung đỉnh C..</li> </ul> <p>- HS: Nêu vdụ.</p> <p>- HS: Theo dõi th/tác của GV &amp; làm theo:</p> <p>- 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp.</p> <p>- Dùng ê-ke đểktra 2 đường thẳng có vuông góc với nhau khg.</p> <p>- HS: Dùng ê-ke để ktra hvẽ SGK, 1HS lên bảng ktra hvẽ của GV.</p> <p>- HS: Nêu ý kiến.</p> <p>- HS: đọc.</p> <p>- HS: Viết tên các cặp cạnh vuông góc với nhau vào VBT.</p> <p>- 1-2HS đọc, cả lớp theo dõi, nxét.</p> <p>- HS: Dùng ê-ke ktra hình trg SGK &amp; ghi tên các cặp cạnh vg góc với nhau vào vở.</p> <p>- 1HS đọc, cả lớp theo dõi, nxét.</p> <p>- 2HS ngồi cạnh đối chéo vở ktra nhau.</p> <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <p>- HS: Nxét bài của bạn &amp; ktra lại bài của mình theo nxét của GV.</p>
---	--

**Tuần 9 – Tiết 2**

**Toàùn : HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Có biểu tượng vẽ hai đường thẳng song song.
- Nhận biết được 2 đường thẳng song song.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:** - Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT lập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> - Trg giờ học này ta sẽ làm quen với 2 đường thẳng song song.</p> <p><b>*Ghiệu hai đường thẳng vuông góc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Vẽ h.chữ nhật ABCD &amp; y/c HS nêu tên hình.</li> <li>- Dùng phấn màu kéo dài 2 cạnh đối diện AB &amp; CD về 2phía &amp; nêu: Kéo dài 2cạnh AB &amp; CD của h.chữ nhật ABCD ta đc 2 đường thẳng song song với nhau.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c HS tự kéo dài 2 cạnh đối còn lại của h.chữ nhật AD &amp; BC &amp; hỏi: Kéo dài 2 cạnh AC &amp; BD của h.chữ nhật ABCD ta có đc 2 đường thẳng song song khg?</li> <li>- Nêu: 2 đường thẳng song song với nhau khg bao giờ cắt nhau.</li> <li>- GV: Y/c HS qsát ĐDHT, lớp học để tìm 2 đường thẳng song song có trg th/tế cuộc sống.</li> <li>- GV: Y/c HS vẽ 2 đường thẳng song song (chú ý ước lượng để 2 đường thẳng khg cắt nhau là đc).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình chữ nhật ABCD.</li> <li>- HS: Theo dõi thao tác của GV:</li> </ul> <div style="text-align: center;"> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: Kéo dài 2 cạnh AD &amp; BC của h.chữ nhật ABCD ta cũng đc 2 đường thẳng song song.</li> <li>- HS: Nghe giảng.</li> <li>- HS: Tìm &amp; nêu vdụ.</li> <li>- HS: Vẽ 2 đường thẳng song song vào nháp.</li> </ul>
<p><b>*Hướng thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Vẽ h.chữ nhật ABCD, sau đó chỉ cho HS thấy rõ 2 cạnh AB &amp; CD là 1 cặp cạnh song song với nhau.</li> <li>- GV: Ngoài cặp cạnh AB &amp; CD trg h.chữ nhật ABCD còn cặp cạnh nào song song với nhau?</li> <li>- GV: Vẽ h.vuông MNPQ &amp; y/c HS tìm các cặp cạnh song song với nhau có trg hình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: Qsát hình.</li> <li>- Cạnh AD // BC.</li> <li>- Cạnh MN//QP, MQ//NP.</li> </ul>

<p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c HS đọc đề.</li> <li>- GV: Y/c qsát hình thật kĩ &amp; nêu các cạnh song song với cạnh BE.</li> <li>- GV: Có thể y/c HS tìm các cạnh song song với AB (hoặc BC, EG, ED).</li> </ul> <p><b>Bài 3a:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Y/c HS qsát kĩ các hình trg bài.</li> <li>- Hỏi: + Trg hình MNPQ có các cặp cạnh nào song song với nhau?</li> <li>+ Trg hình EDIHG có các cặp cạnh nào song song với nhau?</li> <li>- GV: Có thể vẽ thêm một số hình khác &amp; y/c HS tìm các cặp cạnh song song với nhau.</li> </ul> <p><b>3) Củng cố-dẫn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 2HS lên vẽ 2 đường thẳng song song.</li> <li>- Hỏi: 2 đường thẳng song song với nhau có cắt nhau khg?</li> </ul> <p>GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\triangle</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1HS đọc.</li> <li>- Các cạnh song song với BE là AG, CD.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: Đọc đề &amp; qsát hình.</li> <li>- MN//QP.</li> <li>- DI//HG, DG//IH.</li> <li>- HS: Trả lời theo y/c.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS lên bảng vẽ.</li> <li>- Khg bao giờ cắt nhau.</li> </ul>
--	---

**Tuần 9 – Tiết 3**

**Toàùn : VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC**

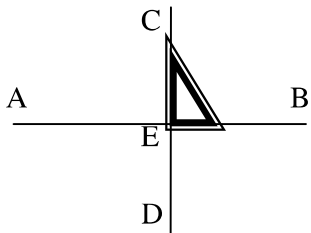
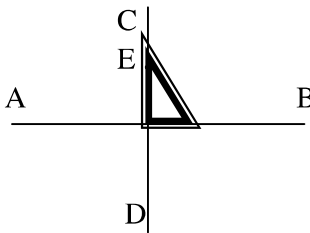
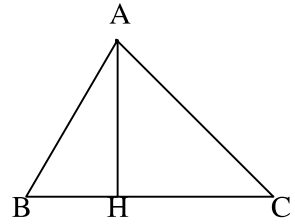
**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Vẽ được 2 đường thẳng đi qua 1 điểm cho trước & vuông góc với 1 đường thẳng cho trước.
- Vẽ được đường cao của 1 hình tam giác.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:** - Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Hướng vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm &amp; vg góc với 1 đường thẳng cho trc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Th/hành các bc vẽ như SGK, vừa thao tác vừa nêu cách vẽ cho cả lớp qsát:</li> <li>+ Đặt 1 cạnh góc vg của ê-ke = với đng thẳng AB.</li> <li>+ Chuyển dịch ê-ke trượt theo đng thẳng AB sao cho cạnh góc vuông thứ hai của ê-ke gặp điểm E. Vạch 1 đng thẳng theo cạnh đó thì đc đng thẳng CD đi qua E &amp; vuông góc với đường thẳng AB.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: Theo dõi th/tác của GV.</li> </ul>

 <p>Điểm E nằm trên đường thẳng AB</p>	 <p>Điểm E nằm ngoài thẳng AB</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Tổ chức cho HS th/hành vẽ:</li> <li>+ Y/c HS vẽ đng thẳng AB bkì.</li> <li>+ Lấy điểm E trên đng thẳng AB (hoặc nằm ngoài đng thẳng AB).</li> <li>+ Dùng ê-ke để vẽ đng thẳng CD đi qua điểm E &amp; vg góc với AB.</li> <li>- GV: Nxét &amp; giúp đỡ HS vẽ hình.</li> <li><b>*Hướng vẽ đường cao của tam giác:</b></li> <li>- GV: Vẽ tam giác ABC &amp; y/c HS đọc tên tam giác.</li> <li>- Y/c HS vẽ đng thẳng đi qua điểm A &amp; vg góc với cạnh BC của <math>\Delta</math>.</li> <li>- Nêu: Qua đỉnh A của tam giác ABC ta vẽ đg thẳng vg góc với cạnh BC, cắt cạnh BC tại điểm H. Ta gọi đoạn thẳng AH là đng cao của <math>\Delta</math> ABC.</li> <li>- GV nhắc lại: <i>Đường cao của h.tam giác chính là đoạn thẳng đi qua 1 đỉnh &amp; vg góc với cạnh đối diện của đỉnh đó.</i></li> <li>- Y/c HS vẽ đng cao hạ từ đỉnh B, C của h.tam giác ABC.</li> <li>- Hỏi: 1 h.tam giác có mấy đng cao?</li> <li><b>*Hướng thực hành:</b></li> <li><b>Bài 1:</b></li> <li>- GV: Y/c HS đọc đề sau đó vẽ hình.</li> <li>- GV: Y/c HS cả lớp nxét, sau đó y/c 3HS lên lần lượt nêu cách th/h vẽ đng thẳng AB của mình.</li> <li>- GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</li> <li><b>Bài 2:</b></li> <li>- GV: Y/c HS đọc đề.</li> <li>- Hỏi: Đng cao AH của h.tam giác ABC là đng thẳng đi qua đỉnh nào của h.tam giác ABC, vg góc với cạnh nào của h.tam giác ABC?</li> <li>- Y/c HS vẽ hình, sau đó nxét, y/c 3HS lên nêu cách th/h vẽ đng cao AH của mình.</li> <li>- GV: Nxét &amp; cho điểm HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ VBT.</li> <li>- Tam giác ABC.</li> <li>- 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: Dùng ê-ke để vẽ.</li> <li>- 1 h.tam giác có 3 đường cao.</li> <li>- 3HS lên bảng vẽ, mỗi em vẽ 1 tr/h, cả lớp vẽ vào vở.</li> <li>- HS: Nêu tg tự như dẫn ở trên.</li> <li>- Đng cao AH là đng thẳng đi qua đỉnh A của <math>\Delta</math>ABC &amp; vg góc với cạnh BC của <math>\Delta</math>ABC tại điểm H.</li> <li>- 3HS lên bảng vẽ hình, mỗi HS vẽ đng cao AH trg 1 tr/h, cả lớp vẽ vào SGK.</li> <li>- HS: Nếu các bc vẽ như ở phần dẫn.</li> <li>- HS: Vẽ hình vào VBT.</li> </ul>

**3) Củng cố-dặn dò:**

- GV: T/kết giờ học, dặn :  $\triangle$  Làm BT & CBB sau.

**Tuần 9 – Tiết 4**

**Toàùn : VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Biết vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm & song song với 1 đường thẳng cho trước (bằng thước kẻ và êke)

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:**

- Thước thẳng, ê-ke (dùng cho GV & HS).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <p>- GV: Gọi 2HS lên: HS1 vẽ 2 đng thẳng AB &amp; CD vg góc với nhau tại E; HS2 vẽ hình tam giác ABC, sau đó vẽ đng cao AH của tam giác này.</p> <p>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> - Trg giờ học này ta sẽ cùng th/hành vẽ 2 đường thẳng song song với nhau.</p> <p><b>*Hướng vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm &amp; song song với 1 đường thẳng cho trc:</b></p> <p>- GV: Th/hành các bc vẽ như SGK, vừa thao tác vừa nêu cách vẽ cho cả lớp qsát &amp; th/hành:</p> <p>+ Vẽ đng thẳng AB &amp; lấy 1 điểm E nằm ngoài AB.</p> <p>+ Vẽ đng thẳng MN đi qua E &amp; vg góc với đng thẳng AB.</p> <p>+ Vẽ đng thẳng đi qua E &amp; vg góc với đng thẳng MN vừa vẽ.</p> <p>- GV nêu: Gọi tên đng thẳng vừa vẽ là CD, có xét gì về đng thẳng CD &amp; đng thẳng AB?</p> <p>- Kluận: Vậy cta đã vẽ đc đng thẳng đi qua điểm E &amp; song song với đng thẳng AB cho trc.</p> <p>- GV: Nêu lại trình tự các bc vẽ đng thẳng CD đi qua E &amp; vg góc với đng thẳng AB như SGK.</p>	<p>- 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</p> <p>- HS: Nhắc lại đề bài.</p> <p>- HS: Theo dõi th/tác của GV.</p> <p>- 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp.</p> <p>- 1HS lên bảng vẽ, cả lớp vẽ vào nháp.</p> <p>- 2 đng thẳng này song song với nhau.</p> <div style="text-align: center;"> </div>
<p><b>*Hướng thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>- GV vẽ đng thẳng CD &amp; lấy 1 điểm M nằm ngoài CD như hvẽ BT1.</p> <p>- Hỏi: + BT y/c cta làm gì?</p> <p>+ Để vẽ đc đng thẳng AB đi qua M &amp; song song với đng thẳng CD, trc tiên ta vẽ gì?</p>	<p>- HS: Nêu y/c.</p> <p>- Vẽ đng thẳng đi qua M &amp; vg góc với đng thẳng CD.</p> <p>- 1HS lên vẽ, cả lớp vẽ hình vào VBT.</p>





với cạnh BC.

- GV: Sửa bài, xét & cho điểm HS.

**2) Dạy-học bài mới:**

**\*Ghi chú:** - Trg giờ học này ta sẽ cùng th/hành vẽ hình chữ nhật.

**\*Hướng vẽ hình chữ nhật theo độ dài các cạnh:**

- GV: Gọi HS lên vẽ hình chữ nhật MNPQ.

- Hỏi: + Các góc ở đỉnh của hình chữ nhật MNPQ có là góc vg khg?

+ Hãy nêu các cặp cạnh sg sg với nhau có trg hình chữ nhật MNPQ.

- GV: Dựa vào đặc điểm chung của hình chữ nhật, ta sẽ th/hành vẽ hình chữ nhật theo độ dài các cạnh cho trc.

- Nêu vdụ: Vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài 4cm & chiều rộng 2cm.

- GV: Y/c HS vẽ từng bc như SGK:

+ Vẽ đoạn thẳng CD có chiều dài 4cm (GV vẽ đoạn thẳng CD dài 40cm).

+ Vẽ đng thẳng vg góc với DC tại D, trên đng thẳng đó lấy đoạn thẳng DA=2cm.

+ Vẽ đng thẳng vg góc với DC tại C, trên đng thẳng đó lấy đoạn thẳng CB=2cm.

+ Nối A với B ta đc hình chữ nhật ABCD.

**\*Hướng vẽ hình vg theo độ dài cạnh cho trc:**

- GV hỏi: + Hình vg có các cạnh ntn với nhau?

- + Các góc ở đỉnh hình vg là góc gì?

- GV nêu: Ta sẽ dựa vào các đặc điểm trên để vẽ hình vg có độ dài cạnh cho trc.

- GV nêu vdụ: Vẽ hình vg có cạnh dài 3cm.

- GV hướng HS th/h từng bc vẽ như SGK:

+ Vẽ đoạn thẳng DC=3cm.

+ Vẽ đng thẳng vg góc với DC tại D & C. Trên mỗi đng thẳng vg góc đó lấy đoạn thẳng DA=3cm, CB=3cm.

+ Nối A với B ta đc hình vg ABCD.

**\*Hướng thực hành:**

**Bài 1a:**

- GV: Y/c HS đọc đề toán.

- GV: Y/c HS tự vẽ hình chữ nhật có chiều rộng 3cm, chiều dài 5cm, rồi đặt tên cho hình chữ nhật.

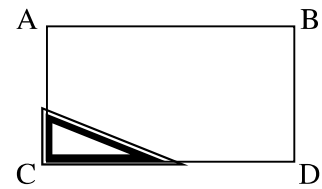
- HS: Nhắc lại đề bài.



- Đều là góc vg.

- MN//QP; MQ//PN.

- HS: Vẽ vào nháp

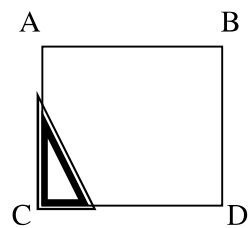


- HS: Theo dõi th/tác của GV.

- Hình vg có các cạnh bằng nhau.

- Là các góc vg.

- HS: Vẽ hình vg ABCD theo từng bc hướng của GV.



- HS: Làm vào VBT.

- 1HS đọc trc lớp.

- HS: Vẽ vào VBT.

<p>- GV: Y/c HS nêu cách vẽ của mình.</p> <p>- GV: Y/c HS tính chu vi của hình chữ nhật.</p> <p>- GV: Nxét.</p> <p><b>Bài 2a:</b></p> <p>- GV: Y/c HS tự vẽ hình, rồi dùng thước có vạch chia đo độ dài 2 đng chéo của hình chữ nhật &amp; kluận: <i>Hình chữ nhật có 2 đng chéo bằng nhau.</i></p> <p><b>Bài 1a:</b></p> <p>- GV: Y/c HS đọc đề toán, sau đó tự vẽ hình vg có độ dài cạnh là 4cm, sau đó tính chu vi &amp; diện tích của hình.</p> <p>- GV: Y/c HS nêu rõ từng bc vẽ của mình.</p> <p><b>Bài 2a:</b></p> <p>- GV: Y/c HS qsát hình chữ nhật rồi vẽ vào VBT, dẫn HS đếm số ô vg trg hình mẫu, sau đó dựa vào các ô vg của vở ô li để vẽ hình.</p> <p>_ GV: Dẫn HS x/đ tâm hình tròn bằng cách vẽ 2 đng chéo của hình vg (to hoặc nhỏ), giao của 2 đng chéo chính là tâm của hình tròn.</p> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b></p> <p>- GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\triangle</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<p>- HS: Nêu như phần bài học SGK.</p> <p>- Chu vi hình chữ nhật là : <math>(5 + 3) \times 2 = 16</math> (cm)</p> <p>- HS: Làm bài cá nhân.</p> <p>- HS nêu trc lớp, cả lớp theo dõi &amp; xét.</p> <p>- HS: Vẽ vào VBT, sau đó đổi chéo vở ktra nhau.</p> <p>- HS: tự vẽ hình vg ABCD vào VBT, sau đó:</p> <p>+ Dùng thước thẳng có vạch chia xen-ti-mét để đo độ dài 2 đng chéo.</p> <p>+ Dùng ê-ke để ktra các góc tạo bởi 2 đng chéo.</p> <p>- 2 đường chéo của hình vuông ABCD bằng nhau &amp; vuông góc với nhau.</p>
--	---

**Tổ trưởng kiểm tra**

**Ban giám hiệu**  
(Duyệt)

Tuần 10 – Tiết 1

**Toàn : LUYỆN TẬP**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Nhận biết được góc tù, góc nhọn, góc bẹt, góc vuông, đường cao của hình tam giác.
- Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:** - Thước thẳng có chia vạch xen-ti-mét, ê-ke (cho GV & HS).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 2HS lên: Y/c vẽ hình vg ABCD có độ dài cạnh 7dm, tính chu vi &amp; diện tích hình vg này.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Giới thiệu:</b> - Trg giờ học này các em sẽ đc củng cố các kthức về hình học đã học.</p> <p><b>*Hướng luyện tập:</b></p> <p><b>Bài 1:</b> - GV: Vẽ lên bảng 2 hình <i>a</i>, <i>b</i> trg BT, y/c ghi tên các góc vg, góc nhọn, góc tù, góc bẹt có trg mỗi hình.</p> <div style="text-align: center;"> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Có thể hỏi thêm:</li> <li>+ So với góc vg thì góc nhọn bé hơn hay lớn hơn?</li> <li>Góc tù bé hơn hay lớn hơn?</li> <li>+ 1 góc bẹt bằng mấy góc vg?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- 2HS lên bảng làm bài, cả lớp làm VBT.</li> <li>- HS: Nêu các góc theo y/c.</li> <li>- Góc nhọn bé hơn góc vg, góc tù lớn hơn góc vg.</li> <li>- 1 góc bẹt bằng 2 góc vg.</li> <li>- Đng cao của tam giác ABC là AB &amp; BC.</li> </ul>
<p><b>Bài 2:</b> - GV: Y/c HS qsát hvẽ &amp; nêu tên đng cao của hình tam giác ABC.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi: Vì sao AB đc gọi là đng cao của hình tam giác ABC?</li> <li>- Hỏi tg tự với đng cao CB.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì đng thẳng AB là đng thẳng hạ từ đỉnh A của tam giác &amp; vg góc với cạnh BC của tam giác.</li> <li>- HS: Trả lời tg tự.</li> </ul>

<p>- GV kluận: <i>Trg h.tam giác có 1 góc vg thì 2 cạnh của góc vg chính là đng cao của hình tam giác.</i></p> <p>- Hỏi: Vì sao AH khg phải là đng cao của hình tam giác ABC?</p> <p><b>Bài 3:</b> - GV: Y/c HS tự vẽ hình vg ABCD có cạnh dài cạnh 3cm, sau đó gọi 1HS nêu rõ từng bc vẽ của mình.</p> <p>- GV: xét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>Bài 4a:</b> - GV: Y/c HS tự vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài AB=6cm, chiều rộng AD=4cm.</p> <p>- GV: Y/c HS nêu rõ các bc vẽ của mình.</p> <p>- GV: Y/c HS nêu cách x/đ trung điểm M của cạnh AD.</p> <div style="text-align: center; margin: 10px 0;"> </div> <p>- GV: + Y/c HS tự x/đ trung điểm N của cạnh BC, sau đó nối M với N.</p> <p>- GV: + Hãy nêu tên các hình chữ nhật có trg hvẽ. + Nêu tên các cạnh sg sg với AB.</p> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b></p> <p>- GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\triangle</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<p>- Vì đng thẳng AH hạ từ đỉnh A nhg khg vg góc với cạnh BC của tam giác ABC.</p> <p>- HS vẽ vào VBT, 1HS lên bảng vẽ &amp; nêu các bc vẽ.</p> <p>- 1HS lên bảng vẽ (theo k/thước 6dm &amp; 4dm), cả lớp vẽ vào VBT.</p> <p>- HS: Nêu theo y/c.</p> <p>- 1HS nêu trc lớp, cả lớp theo dõi, xét: Dùng thước thẳng có vạch chia xen-ti-mét, đặt vạch số 0 của thước trùng với điểm A, thước trùng với cạnh AD, vì AD=4cm nên AM=2cm. Tìm vạch số 2 trên thước &amp; chấm 1 điểm. Điểm đó chính là trung điểm M của cạnh AD.</p> <p>- HS: Th/h theo y/c.</p> <p>- Là ABCD, ABNM, MNCD.</p> <p>- Là MN, DC.</p>
---	--

**Tuần 10 – Tiết 2**

**Toàùn : LUYỆN TẬP CHUNG**

**IMỤC TIÊU:** Giúp HS củng cố về:

- Thực hiện được cộng, trừ các số có đến 6 chữ số.
- Nhận biết được 2 đường thẳng vuông góc.
- Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng & hiệu của hai số đó có liên quan đến hình chữ nhật.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC:** - Thước thẳng có chia vạch xen-ti-mét, ê-ke (cho GV & HS).

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><b>1) KTBC:</b></p> <p>- GV: Gọi 3HS lên y/c làm 3 BT dẫn tập thêm, đồng thời ktra VBT của HS khác.</p> <p>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</p> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>Bài 1a:</b> - GV: Gọi HS nêu y/c của BT, sau đó tự làm bài.</p> <p>- GV: Y/c HS xét bài làm của bạn trên bảng vẽ</p>	<p>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</p> <p>- 2HS lên bảng làm bài, cả lớp làm VBT.</p> <p>- 2HS xét.</p>

<p>cách đặt tính &amp; th/h phép tính.                  - GV: xét &amp; cho điểm HS.  <b>Bài 2a:</b> - GV hỏi: BT y/c cta làm gì?                  - Để tính gtrị b/thức <math>a, b</math> trg bài bằng cách thuận tiện cta áp dụng t/chất nào?                  - GV: Nêu y/c HS nêu quy tắc về t/chất g/hoán, k/hợp của phép cộng.                  - GV: Y/c HS làm bài.                  - GV: Xét &amp; cho điểm HS.  <b>Bài 3b:</b> - GV: Y/c HS đọc đề bài.                  - GV: Y/c HS qsát hình trg SGK.                  - Hỏi: + Hình vg ABCD &amp; hình vg BIHC có chung cạnh nào?                  + Vậy độ dài cạnh của hình vg BIHC là bn?                  - GV: Y/c HS vẽ tiếp hình vg BIHC.                  - Hỏi: + Cạnh DH vg góc với ~ cạnh nào?                  + Tính chu vi hình chữ nhật AIHD.  <b>Bài 4:</b> - GV: Gọi 1HS đọc đề trc lớp.                  - Hỏi: + Muốn tính đc diện tích hình chữ nhật ta phải biết đc gì?                  + Bài toán cho biết gì?                  + Biết đc nửa chu vi của hình chữ nhật tức là biết đc gì?                  + Vậy có tính đc chiều dài &amp; chiều rộng khg? Dựa vào bài toán nào để tính?                  - GV: Y/c HS làm bài.                  - GV: Xét &amp; cho điểm HS.  <b>3) Củng cố-dặn dò:</b>                  - GV: T/kết giờ học, dặn : <math>\triangle</math> Làm BT &amp; CBB sau.</p>	<p>- Nêu y/c của BT.                  - Ta áp dụng t/chất g/hoán &amp; k/hợp của phép cộng.                  - 2HS nêu.                  - 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.                  - HS: Đọc thâm.                  - HS qsát hình.                  - Chung cạnh BC.                  - Là 3cm.                  - HS vẽ hình, sau đó nêu các bc vẽ.                  - Cạnh DH vg góc với AD, BC, IH.                  - HS: Làm vào VBT.                  - 1HS đọc đề.                  - Biết đc số đo chiều rộng &amp; chiều dài của hình chữ nhật.                  - Cho biết nửa chu vi là 16cm &amp; chiều dài hơn chiều rộng 4cm.                  - Biết đc tổng của số đo chiều dài &amp; chiều rộng.                  - Dựa vào bài toán tìm hai số khi biết tổng &amp; hiệu của hai số đó ta tính đc chiều dài &amp; chiều rộng của hình chữ nhật.                  - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p>
--	---

**Tuần 10 – Tiết 3**

**Kiểm Tra Nònh Kì Giõõa Hoic Kì I**

**Tuần 10 – Tiết 4**

**Toàn : NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ**

**IMỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có 1 chữ số (tích có không quá 6 chữ số).

**II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
-------------------------	------------------------

<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 3HS lên y/c làm BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết cách th/h phép nhân có 6 chữ số với số có 1 chữ số.</p> <p><b>*Hướng th/h phép nhân số có 6 chữ số với số có 1 chữ số:</b></p> <p><b>a. Phép nhân <math>241324 \times 2</math> (phép nhân khg nhớ):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Viết phép nhân: <math>241324 \times 2</math>.</li> <li>- GV: Y/c HS dựa vào cách đặt tính phép nhân số có 6 chữ số với số có 1 chữ số, hãy đặt tính để th/h phép nhân này.</li> <li>- Hỏi: Khi th/h phép nhân này, ta phải th/h tính bắt đầu từ đâu?</li> <li>- GV: Y/c HS suy nghĩ để th/h phép tính trên, sau đó nêu cách tính.</li> <li>- GV: Nhắc lại cho HS ghi nhớ (như nd SGK).</li> </ul> <p><b>b. Phép nhân <math>136204 \times 4</math> (phép nhân có nhớ):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Ghi <math>136204 \times 4</math>.</li> <li>- Y/c HS: đặt tính &amp; th/h tính, nhắc HS chú ý đây là phép nhân có nhớ. Khi th/h các phép nhân có nhớ ta cần thêm số nhớ vào quả của lần nhân liền sau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- HS đọc: <math>241324 \times 2</math>.</li> <li>- 2HS lên bảng đặt tính, cả lớp đặt tính vào nháp, sau đó xét cách đặt tính trên bảng của bạn.</li> <li>- Đầu tính từ hàng đvị, đến hàng chục, hàng trăm, ... (tính từ phải sang trái):  <math>241324</math> - 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.  <math>\times \quad 2</math> - 2 nhân 2 bằng 4, viết 4.  <math>482648</math> - 2 nhân 3 bằng 6, viết 6...  <b>Vậy: <math>241324 \times 2 = 482648</math></b></li> <li>- Đọc <math>136204 \times 4</math></li> <li>- 1HS th/h trên bảng, cả lớp làm nháp.</li> </ul>														
<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 30%;"><math>136204</math></td> <td>- 4 nhân 4 bằng 16, viết 6 nhớ 1.</td> </tr> <tr> <td><math>\times \quad 4</math></td> <td>- 4 nhân 0 bằng 0, thêm 1 bằng 1, viết 1.</td> </tr> <tr> <td><math>544816</math></td> <td>- 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.</td> </tr> <tr> <td></td> <td>- 4 nhân 6 bằng 24, viết 4 nhớ 2.</td> </tr> <tr> <td></td> <td>- 4 nhân 3 bằng 12, thêm 2 bằng 14, viết 4 nhớ 1.</td> </tr> <tr> <td></td> <td>- 4 nhân 1 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5.</td> </tr> <tr> <td></td> <td style="text-align: center;"><b>*Vậy: <math>136204 \times 4 = 544816</math></b></td> </tr> </table>	$136204$	- 4 nhân 4 bằng 16, viết 6 nhớ 1.	$\times \quad 4$	- 4 nhân 0 bằng 0, thêm 1 bằng 1, viết 1.	$544816$	- 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.		- 4 nhân 6 bằng 24, viết 4 nhớ 2.		- 4 nhân 3 bằng 12, thêm 2 bằng 14, viết 4 nhớ 1.		- 4 nhân 1 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5.		<b>*Vậy: <math>136204 \times 4 = 544816</math></b>	
$136204$	- 4 nhân 4 bằng 16, viết 6 nhớ 1.														
$\times \quad 4$	- 4 nhân 0 bằng 0, thêm 1 bằng 1, viết 1.														
$544816$	- 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.														
	- 4 nhân 6 bằng 24, viết 4 nhớ 2.														
	- 4 nhân 3 bằng 12, thêm 2 bằng 14, viết 4 nhớ 1.														
	- 4 nhân 1 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5.														
	<b>*Vậy: <math>136204 \times 4 = 544816</math></b>														
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Nêu quả nhân đúng, sau đó y/c HS nêu lại từng bc th/h phép nhân của mình.</li> </ul> <p><b>*Luyện tập-thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Y/c HS tự làm bài.</li> <li>- GV: Y/c lần lượt từng HS trên bảng tr/b cách tính của mình.</li> <li>- GV: Xét &amp; cho điểm HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: nêu các bc như trên.</li> <li>- 4HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</li> <li>- HS: Tr/b trc lớp.</li> </ul>														

**Bài 3a:**

- GV: nêu y/c của BT & cho HS tự làm.
- GV: Nhắc HS th/h các phép tính theo đúng thứ tự.

**3) *Củng cố-dặn dò:***

- GV: T/kết giờ học, dặn :  $\triangle$  Làm BT & CBB sau.

- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.



**Tuần 10 – Tiết 5**

**Toàùn : TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÉP NHÂN**

**I.MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân.
- Bước đầu vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bản phụ ghi sẵn:

$a$	$b$	$a \times b$	$b \times a$
4	8		
6	7		
5	4		

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH																
<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 2HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, xét &amp; cho điểm.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Ghiệu:</b> GV nêu mtiêu giờ học &amp; ghi bảng đề bài.</p> <p><b>*Ghiệu t/chất giao hoán của phép nhân:</b></p> <p><b>a. So sánh gtrị của các cặp phép nhân có thừa số giống nhau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Viết b/thức <math>5 \times 7</math> &amp; <math>7 \times 5</math>, rồi y/c HS so sánh 2 b/thức này với nhau.</li> <li>- GV: Làm tg tự với <math>4 \times 3</math> &amp; <math>3 \times 4</math>; <math>8 \times 9</math> &amp; <math>9 \times 8</math>...</li> <li>- GV: vậy 2 phép nhân có thừa số giống nhau thì luôn bằng nhau.</li> </ul> <p><b>b. Ghiệu t/chất g/hoán của phép nhân:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Treo Bp, y/c HS th/h tính gtrị biểu thức <math>axb</math> &amp; <math>bxa</math> để điền kquả vào bảng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- HS: Trả lời.</li> <li>- HS: Đọc bảng số.</li> <li>- 3HS lên th/h tính để hoàn thành bảng.</li> </ul>																
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 25%;"><math>a</math></th> <th style="width: 25%;"><math>b</math></th> <th style="width: 25%;"><math>a \times b</math></th> <th style="width: 25%;"><math>b \times a</math></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4</td> <td>8</td> <td><math>4 \times 8 = 32</math></td> <td><math>8 \times 4 = 32</math></td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>7</td> <td><math>6 \times 7 = 42</math></td> <td><math>7 \times 6 = 42</math></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>4</td> <td><math>5 \times 4 = 20</math></td> <td><math>4 \times 5 = 20</math></td> </tr> </tbody> </table>	$a$	$b$	$a \times b$	$b \times a$	4	8	$4 \times 8 = 32$	$8 \times 4 = 32$	6	7	$6 \times 7 = 42$	$7 \times 6 = 42$	5	4	$5 \times 4 = 20$	$4 \times 5 = 20$	
$a$	$b$	$a \times b$	$b \times a$														
4	8	$4 \times 8 = 32$	$8 \times 4 = 32$														
6	7	$6 \times 7 = 42$	$7 \times 6 = 42$														
5	4	$5 \times 4 = 20$	$4 \times 5 = 20$														
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Y/c: Hãy so sánh gtrị của b/thức <math>axb</math> với gtrị của b/thức <math>bxa</math> khi <math>a=4</math> &amp; <math>b=8</math>.</li> <li>- Th/h tg tự với các cột còn lại.</li> <li>- Vậy gtrị của b/thức <math>axb</math> luôn ntn so với gtrị của b/thức <math>bxa</math>?</li> <li>- GV: Ta có thể viết: <math>axb = bxa</math>.</li> <li>- Hỏi: + Em có xét gì về các thừa số trng hai tích <math>axb = bxa</math>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều bằng 32.</li> <li>- HS: TLCH.</li> <li>- Gtrị của b/thức <math>axb = bxa</math>.</li> <li>- HS: Đọc <math>axb = bxa</math>.</li> <li>- Mỗi tích đều có 2 thừa số là <math>a</math> &amp; <math>b</math> nhg vị trí khác nhau.</li> </ul>																

<p>+ Khi đổi chỗ các thừa số của tích <math>axb</math> cho nhau thì ta đc tích nào?</p> <p>+ Khi đó giá trị của <math>axb</math> có th/đổi khg?</p> <p>+ Khi đổi chỗ các thừa số trng 1 tích thì tích đó ntn?</p> <p>- GV: Y/c HS đọc lại kluận SGK.</p> <p><b>*Luyện tập-thực hành:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>- GV: BT y/c ta làm gì?</p> <p>- Ghi <math>4 \times 6 = 6 \times \square</math>, y/c HS điền số th/hợp vào <math>\square</math>.</p> <p>- Hỏi: Vì sao điền số 4 vào ô trống?</p> <p>- Y/c HS tự làm tiếp rồi đổi chéo vở ktra nhau.</p> <p>1a) <math>207 \times 7 = \square \times 207</math></p> <p>b) <math>3 \times 5 = 5 \times \square</math>  <math>2138 \times 9 = \square \times 2138</math></p> <p><b>Bài 2a,b:</b></p> <p>- GV: Y/c HS tự làm.</p> <p>2a) <math>1357 \times 5</math> ; <math>7 \times 853</math></p> <p>b) <math>40263 \times 7</math> ; <math>5 \times 1326</math></p> <p>- GV: xét &amp; cho điểm.</p> <p><b>3) Củng cố-dặn dò:</b></p> <p>- Hỏi: CT &amp; quy tắc t/chất g/hoán của phép nhân.</p> <p>- GV: Tổng kết giờ học, dặn HS <math>\triangle</math> làm BT &amp; CBB.</p>	<p>- Đc tích <math>bxa</math>.</p> <p>- Khg th/đổi.</p> <p>- Thì tích đó khg th/đổi.</p> <p>- HS: Đọc kluận.</p> <p>- HS: Đọc đề bài.</p> <p>- Điền số 4.</p> <p>- HS: Gthích.</p> <p>- Làm bài vào VBT &amp; ktra bài của bạn.</p> <p>- 3HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT</p> <p>- Điền số 7.</p> <p>- Điền số 3.</p> <p>- Điền số 9.</p> <p>- HS: Nêu y/c.</p> <p>- HS: làm bài.</p> <p>2a) <math>1357 \times 5 = 6785</math> ; <math>7 \times 853 = 5971</math></p> <p>b) <math>40263 \times 7 = 281841</math>; <math>5 \times 1326 = 6630</math></p>
---	---

**Tổ trưởng kiểm tra**

**Ban giám hiệu**  
(Duyệt)

**Tuần 11 – Tiết 1**

**Toàùn :** NHÂN VỚI 10, 100, 1000, ...  
 CHIA CHO 10, 100, 1000, ...

**I. MỤC TIÊU:** Giúp HS:

-Biết cách thực hiện phép nhân 1 số tự nhiên với 10, 100, 1000, ... và chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000, ...

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH</b>
--------------------------------	-------------------------------

<p><b>1) KTBC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Gọi 2HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS.</li> <li>- GV: Sửa bài, nxét &amp; cho điểm.</li> </ul> <p><b>2) Dạy-học bài mới:</b></p> <p><b>*Giới thiệu:</b> Giờ toán hôm nay sẽ giúp biết cách nhân 1STN với 10, 100, 1000, ... &amp; chia các số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 10, 100, 1000, ...</p> <p><b>*Hướng dẫn nhân 1 STN với 10, 100, 1000,....:</b></p> <p><b>a Nhân 1 số với 10:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Viết phép tính <math>35 \times 10</math>.</li> <li>- Hỏi: + Dựa vào t/chất g/hoán của phép nhân cho biết <math>35 \times 10</math> bằng gì?</li> <li>+ 10 còn gọi là mấy chục?</li> <li>- Vậy <math>10 \times 35 = 1 \text{ chục} \times 35</math>.</li> <li>- Hỏi: + 1 chục nhân với 35 bằng bn?</li> <li>+ 35 chục là bn?</li> <li>- Vậy <math>10 \times 35 = 35 \times 10 = 350</math>.</li> <li>- Hỏi: + Em có nxét gì về thừa số 35 &amp; kquả của phép nhân <math>35 \times 10</math>?</li> </ul> <p>+ Vậy khi nhân một số với 10 ta có thể viết ngay kquả của phép tính ntn?</p> <p>- Y/c HS th/h tính: <math>12 \times 10, 78 \times 10, 457 \times 10, 7891 \times 10</math>.</p> <p><b>b. Chia số tròn chục cho 10:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết <math>350 : 10</math> &amp; y/c HS suy nghĩ để th/h phép tính.</li> <li>- GV: Ta có <math>35 \times 10 = 350</math>, vậy khi lấy tích chia cho 1 thừa số thì kquả sẽ là gì?</li> <li>+ Vậy 350 chia cho 10 bằng bn?</li> <li>+ Có nxét gì về số bị chia &amp; thương trg phép chia <math>350 : 10 = 35</math>?</li> <li>+ Vậy khi chia số tròn chục cho 10 ta có thể viết ngay kquả của phép chia ntn?</li> <li>+ Hãy th/h: <math>70 : 10; 140 : 10; 2170 : 10; 7800 : 10</math>.</li> </ul> <p><b>*Hướng dẫn nhân 1 STN với 100, 1000, ... chia số tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 100, 1000, ...</b></p> <p>Hướng tg tự như nhân 1 STN với 10, chia số tròn chục cho 10.</p> <p><b>*Kết luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi: + Khi nhân 1 STN với 10, 100, 1000, ... ta có thể viết ngay kquả của phép nhân ntn?</li> <li>+ Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 10, 100, 1000, ... ta có thể viết ngay kquả của phép</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3HS lên bảng sửa BT, cả lớp theo dõi để nxét.</li> <li>- HS: Nhắc lại đề bài.</li> <li>- HS: Đọc phép tính.</li> <li>- <math>35 \times 10 = 10 \times 35</math></li> <li>- Là 1 chục.</li> <li>- Bằng 35 chục.</li> <li>- Bằng 350.</li> <li>- Kquả của phép nhân <math>35 \times 10</math> chính là thừa số thứ nhất 35 thêm 1 chữ số 0 vào bên phải.</li> <li>- Ta chỉ việc viết thêm 1 chữ số 0 vào bên phải số đó.</li> <li>- HS: Nhẩm &amp; nêu kquả.</li> <li>- HS: suy nghĩ.</li> <li>- Lấy tích chia cho 1 thừa số thì đc kquả là thừa số còn lại.</li> <li>- Bằng 35.</li> <li>- Thương chính là số bị chia xóa đi 1 chữ số 0 ở bên phải.</li> <li>- Ta chỉ việc bỏ bớt đi 1 chữ số 0 ở bên phải số đó.</li> <li>- HS: Nhẩm &amp; nêu kquả.</li> <li>- Ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba, ... chữ số 0 vào bên phải số đó.</li> <li>- Ta chỉ việc bỏ bớt đi một, hai, ba, ... chữ số 0 ở bên phải số đó.</li> </ul>
---	--

<p>chia ntn?  <b>*Luyện tập-thực hành:</b>  <b>Bài 1a (cột 1,2):</b>  <math>18 \times 10</math>                      <math>82 \times 100</math>  <math>18 \times 100</math>                      <math>75 \times 1000</math>  <math>18 \times 1000</math>                      <math>19 \times 10</math>  <b>1b (cột 1,2):</b>  <math>9000 : 10</math>                      <math>6800 : 100</math>  <math>9000 : 100</math>                      <math>420 : 10</math>  <math>9000 : 1000</math>                      <math>2000 : 1000</math>                      - GV: Y/c HS tự viết kquả của các phép tính, sau đó lần lượt đọc kquả đó.   <b>Bài 2:</b> - GV: Viết <math>300kg = \dots tạ</math> &amp; y/c HS th/h đổi .                      - Y/c HS nêu cách làm của mình.                      - GV: Hdẫn các bc đổi như SGK:                      + <math>100kg</math> bằng bn tạ?                      + Muốn đổi <math>300kg</math> thành tạ ta nhẩm: <math>300 : 100 = 3tạ</math>                      Vậy <math>300kg = 3 tạ</math>.                      - GV: Chữa bài &amp; y/c HS gthích cách đổi.                      - GV: Nxét &amp; cho điểm HS.                      - <b>GV yêu cầu HS tính 3 dòng đầu SGK.</b>   <b>3) Cũng cố-dặn dò:</b>                      - Dặn dò: <math>\Delta</math> Làm các BT &amp; CBB về nhà.</p>	<p>- HS viết k.quả của các phép tính. LỚp n.xét  <b>Bài 1a (cột 1,2):</b>  <math>18 \times 10 = 180</math>                      <math>82 \times 100 = 8200</math>  <math>18 \times 100 = 1800</math>                      <math>75 \times 1000 = 75000</math>  <math>18 \times 1000 = 18000</math>                      <math>19 \times 10 = 190</math>  <b>1b (cột 1,2):</b>  <math>9000 : 10 = 900</math>                      <math>6800 : 100 = 68</math>  <math>9000 : 100 = 90</math>                      <math>420 : 10 = 42</math>  <math>9000 : 1000 = 9</math>                      <math>2000 : 1000 = 2</math>                       - HS: Làm bài vào VBT, sau đó mỗi HS nêu kquả của 1 phép tính.                      - <math>300kg = 3 tạ</math>.                       - <math>100kg = 1 tạ</math>.   <math>70kg = 7 yến</math>  <math>800kg = 8 tạ</math>  <math>300 tạ = 30 tấn</math>.                      - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.                      - HS: Nêu tg tự như bài mẫu.</p>
--	--

**Tuần 11 – Tiết 2**

**Toàùn : TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN**

**I. MỤC TIÊU:** Giúp HS:

- Nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân.
- Bước đầu biết vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân trong thực hành tính.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bp ghi sẵn:

a	b	c	( a x b ) x c	a x ( b x c )
3	4	5		
5	2	3		
4	6	2		

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1) <b>KTBC:</b>	